



ĐỢT 1



Họ và tên thí sinh:.....

Số báo danh:.....

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

Giải đề: *Ỗ Lập Phúc (Tỉnh An Giang)*

I. Đọc hiểu (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích:

Từ những kẽ hở trên mặt đất, nước trào lên, mát lạnh và trong lành. Từ một dòng nước nhỏ, nước hòa vào với nước tươi mát rơi từ trên trời và nước thấm vào đất để tạo nên một dòng suối nhỏ cứ chảy mãi xuống cho tới khi, một dòng sông ra đời.

Sông hình thành lực đẩy và cuốn trôi dần các lớp đất và nền khi dòng chảy từ từ mở rộng và sâu thêm, giống như một đứa trẻ với đôi mắt sáng ngời vươn mình lớn dậy. Dòng sông trở nên đủ mạnh mẽ để xuyên qua núi hay thậm chí tạo thành một hẻm núi.[...]

Khi nước gặp con người, nó còn được chứng kiến nhiều chuyện nhiều hơn. Một ông lão băng qua cây cầu, một cô gái trên chiếc xe đạp, một đôi tình nhân ngồi ngắm sông trôi. Cứ mãi chậm chậm và cứ mãi xanh, dòng sông chứng kiến lũ trẻ chơi đùa trong công viên hai bên bờ và người cha cùng cậu con nhỏ đang chơi bắt bóng.

Dòng sông, giờ đã ở tuổi xế chiều, lại càng trở nên dịu dàng khi nó tiến dần ra phía biển. Rồi cũng đến lúc nó ra tới biển và dòng chảy của nước cuối cùng cũng đi tới hồi kết.

Tất cả những trầm tích được nước mang theo lúc đó lắng lại ở cửa sông. Kết quả là một vùng châu thổ được hình thành. Sông Hằng, sông Mississippi và sông Amazon đều đã hình thành những châu thổ tựa như thành một vùng đất rộng lớn, tạo nên một đường bờ biển mới và rộng rãi. Những vùng châu thổ màu mỡ này hình thành nên những vùng nông nghiệp vĩ đại nhất trên thế giới - món quà cuối cùng mà nước dành tặng cho loài người, trước khi nó hiến mình cho đại dương vào lúc cuối đời.

(Trích Bí mật của nước, Masaru Emoto, NXB Lao động, 2019, tr.90-93)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1: Theo đoạn trích, sự ra đời của một dòng sông diễn ra như thế nào?

Câu 2: Trong đoạn trích, món quà cuối cùng nước dành tặng cho loài người trước khi hòa vào biển cá là gì?

Câu 3: Những câu văn sau giúp anh/chị hiểu gì về dòng chảy của nước và cuộc sống của con người?

Một ông lão băng qua cây cầu, một cô gái trẻ trên chiếc xe đạp, một đôi tình nhân ngồi ngắm sông trôi. Cứ mãi chậm chậm và cứ mãi xanh, dòng sông chứng kiến lũ trẻ chơi đùa trong công viên hai bên bờ và người cha cùng cậu con nhỏ đang chơi bắt bóng.

Câu 4: Qua hành trình từ sông ra biển của nước trong đoạn trích, anh/chị rút ra những bài học gì về lẽ sống?

II. Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về sự cần thiết phải biết sống cống hiến.

Câu 2 (5,0 điểm)

Trong bài thơ *Sóng*, nhà thơ Xuân Quỳnh viết:

Trước muôn trùng sóng bể
Em nghĩ về anh, em
Em nghĩ về biển lớn
Từ nơi nào sóng lên?
Sóng bắt đầu từ gió
Gió bắt đầu từ đâu?
Em cũng không biết nữa
Khi nào ta yêu nhau
Con sóng dưới lòng sâu
Con sóng trên mặt nước
Ôi con sóng nhớ bờ
Ngày đêm không ngủ được
Lòng em nhớ đến anh
Cả trong mơ còn thức

(*Ngữ văn 12*, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020, tr.155)

Cảm nhận của anh/chị về đoạn thơ trên. Từ đó, nhận xét về đẹp nữ tính trong thơ Xuân Quỳnh.

Sau đây là bài làm câu 2 phần II. Làm văn (của em Võ Lập Phúc)

Tổng điểm của em là : 10 điểm ; bài làm này đạt tối đa 5/5 điểm

Nền tảng là một khái niệm đồng thời mang tính vật chất lẫn phi vật chất. Nó tồn tại hiển nhiên trong mọi dạng thức có mặt trong cuộc sống, lấp đặt nên các công trình và nằm ẩn yên bên trong miền hồn thẳm thẳm của mỗi cá nhân. Ở mọi cấu trúc tâm cỡ, nền tảng được tạo lập cho sự vững chãi, định hình bản thể của sự vĩ mô và ở đó, trong hình hài của các khối kiến trúc, con người được diện kiến vẻ đẹp tư duy ký thác bên trong sự hữu tồn của viên gạch, nền đất, lớp kính và bản vẽ. Trong địa hạt tâm hồn chốn thịnh suy của tâm tư kiếp người, nền tảng khiến cho người ta thấu hiểu về hệ giá trị của bản thân, kết nối sự vô tư lự và ngẫm nghĩ dẫn vật, sự bất cần và khát vọng chiếm hữu, cảm giác bất lực và niềm hân hoan chinh phục những tầm cỡ. Nền tảng là phần trọng yếu của mọi hình hài vật chất và cảm xúc phi vật chất.

Trong văn chương, nền tảng kỳ thực là một khái niệm mang tính phân ưu giữa các tác phẩm vĩ đại và những thoáng gọn chóng phai của bút lực tác giả. Nền tảng đóng góp cho bộ mặt của mọi áng văn chương, bảo lưu cho sự tồn tại lâu dài của triết lý tồn tại bên trong từng tác phẩm. Riêng ở địa hạt thơ ca, nền tảng là cơ sở quan trọng thiết tạo nên phong cách đặc hữu của người thi nhân. Bằng nền tảng, người ta tìm thấy ở văn thơ chất liệu đặc sắc của cảm xúc, phương hướng dụng ngữ, sự trăn trở trong cốt cách và tiếng thở nghệ thuật đượm đặc sắc tố bản ngã độc nhất. Và với thơ Xuân Quỳnh, nền tảng ấy là linh tính và dự cảm cho những âu lo trăn trở. Sự xáo động trong hồn cốt khiến định hình nên nền tảng của thơ chị với mọi chất liệu tinh kết nên bằng tình yêu, nỗi nhớ, ước nguyện đoàn tụ. Ta nhìn thấy rất rõ thực tế ấy trong những đoạn thơ sau - những đoạn thơ được dự phần vào việc tạo tác nên “vẻ đẹp nữ tính” xuyên suốt đời thơ Xuân Quỳnh:

“Trước muôn trùng sóng bể
Em nghĩ về anh, em.
Em nghĩ về biển lớn
...
Lòng em nhớ đến anh
Cả trong mơ còn thức”

Được xưng danh là “Nữ hoàng thơ tình yêu”, ngôi báu trong hồn thơ Xuân Quỳnh ngự trị ở những miền hồn riêng biệt, nơi mà trái tim và sự yêu được kết tía, đan gài trong hình hài của những thôn thức chứ không thét gào, âm i khát vọng chứ không cuồng nhiệt, thanh tao bình dị chứ không ước lệ vĩ mô. Ở đó, tình yêu của chị là một chuỗi thẳm thì kéo dài, kết nối những cung bậc sâu lắng, phiến muộn tạo thành dáng hình của nàng thơ. Tình yêu trong thơ Xuân Quỳnh là tái hiện rõ ràng của một dạng thức phát kiến đời sống, bản chất của đời sống ấy nằm trong vòng cương tỏa của những cung bậc khi yêu, cách yêu và ước vọng vì tình yêu. Dung tích của nội hàm tình yêu trong cuộc đời ấy, trong con người ấy vượt qua sự liên tưởng thông thường thuộc về lứa đôi, phạm trù của “tình yêu” đã chạm đến các mạch nối đặc thù của cả đời sống bao gồm tình yêu

đối với gia đình, tình yêu đối với sự thoáng gọn, tình yêu đối với khát vọng, tình yêu đối với những chênh vênh bất định, thành linh lẩn lút những ý niệm bề sâu. Cả trái tim bé nhỏ đã thấu đạt tường tận phương thức vận hành của nó, dường như nó là không gian nhạy cảm đối với mọi chuyển động vô hình hay hữu hình của ngoại cảnh và rồi không thể bỏ sót lại điều gì dấu vụn vặt nhất, nó e ấp cuc mang, nhặt lấy những tàn rơi ứ đọng bên lề thời cuộc. Chính lẽ đó, sự nhạy cảm nội tại ấy đã mang lại cho dạng thức tình yêu của Xuân Quỳnh mọi dự cảm tổng hòa của diễn tiến đời sống bao gồm cả những lưỡng cực cấu kết nên từ yêu và xa, nhớ và bạc, âu lo và vô tình, tha thiết và mòn phai, ... Tình yêu lứa đôi là nhánh rẽ, được tách chiết từ không gian cảm xúc trong trái tim Xuân Quỳnh. Chính những cảm niệm trong cách thấu đạt về tình yêu lứa đôi mà tiết điệu thơ của chị nhìn chung bám lấy sự vận động chủ lưu từ đây, rằng trong thơ tình yêu đôi lứa nơi tâm khảm Xuân Quỳnh, mọi giai ngân dù thuộc phạm trù nào của cảm xúc đi chăng nữa, nó cũng đều liên mạch với cảm biến thời cuộc và dự trù về nỗi khắc khoải khôn nguôi nơi thế sự cuộc đời. “Sóng” là thi phẩm được tái tạo từ vòng luân lưu của gió biển, được định hình từ tấp gao của miền khơi vào lòng cát bãi, được thai nghén từ trải nghiệm và suy tư khi Xuân Quỳnh có chuyến đi thực tế tại cửa biển Diêm Điền cuối những năm 1960. Những đoạn thơ được trích dẫn như trên là cực trị cảm xúc của miền nghiệm nơi trái tim người phụ nữ đập những nhịp đồng vọng với cả nhịp biển, nhịp đời và nhịp yêu.

Ngoại cảnh không biến mất hoàn toàn khỏi những đường nét tô tạo bởi tác giả trong các tác phẩm văn học nói chung, thơ ca nói riêng. Ngoại cảnh, ngược lại, bầu rỗ vào bề mặt thi từ, nảy nở những diện mạo phát sinh vượt xa ra khỏi quy luật vật lý của thực tiễn để trở thành một sứ giả phát vọng tiếng tù và vang lên từ tầng vĩa sâu thẳm nơi tâm thức nhà thơ. Lắm khi, nó chỉ là một thoáng hiện vô tư từ dòng chảy tự nhiên của xúc cảm thi nhân, nhưng hẳn hoi nó không hư biến, hư mờ mà được dự phận vào quá trình phát ngôn của cảm xúc:

Trước muôn trùng sóng biển.
Em nghĩ về anh, em
Em nghĩ về biển lớn
Từ nơi nào sóng lên?

Không gian ngoại tại đã được chuyển dịch từ ký ức thực tế sang thành nhân quan thi vị. Cửa biển Diêm Điền đã gieo cấy sẵn một hạt mầm tương quan giữa cái bao la, bất tận nơi chân trời với niềm nghĩ suy mệnh mang, khắc khoải nơi tâm hồn của “Em”. Bằng cách đó, “sóng biển” như nghe theo tiếng vẫy gọi của con người và lão đảo thoát lia khỏi đường chân trời cố định để vỗ đập ngân nga theo sự vận động của nỗi niềm nội sinh trong tâm khảm “em”. Ở đây, bản thể của “em” và “sóng” được chiết tách ra, không đồng nhất, không giao nhau triệt để. Bởi lẽ, trong âm hưởng thơ và bối cảnh không gian thi ngữ tạo lập nên, cần thiết phải có một khoảng cách giữa hai đối tượng trữ tình này nhằm để “em” có thể định hình rõ ràng sự chuyển động của ý thức bên trong trái tim của mình. Nhưng khoảng cách ấy không khiến “em” và “sóng” trở nên rời rạc, lung lay mà mỗi quan hệ ấy được giữ vững theo tiến trình đồng nhịp của cách “sóng” vỗ bờ và cách “em” không dùng “nghĩ” suy. Cụm từ “muôn trùng” đã khai mở rộng lớn không gian của biển cả, tấp nập lữ lượt từng con “sóng biển”; để rồi, cũng chính nghĩa ý từ cái “muôn trùng” ấy, độc giả cảm được cả cái bất tận trong không gian cảm xúc của chủ thể “em”. Và như thế, dòng tâm tư của “em” được biểu lộ trong sự cân đối hài hòa của phép điệp cấu trúc ngay sau đó:

“Em nghĩ về anh, em
Em nghĩ về biển lớn”

Động từ “nghĩ” như vậy gọi mọi cung cách của sự yêu. “nghĩ” là phân trí năng cơ bản của con người, thuộc về cấp độ nhận thức lý tính. Nhưng âm hưởng của “nghĩ” trong sự yêu Xuân Quỳnh toát ra từ hai dòng thơ trên lại phần nhiều cho ta thấu đạt nó ở vai trò cảm xúc hơn là lý tính. Cảm xúc của “em” đối với “anh”, của “em” đối với chính mình, của “em” đối với trần trở, của “em” đối với âu lo. Trong động từ “nghĩ” được điệp lại hai lần đó, độc giả chu du tại một vùng sinh địa của nỗi niềm, dao động biến chuyển khôn nguôi của nỗi nhớ. À ra là thế, “nghĩ” ở đây là một dạng thức biểu hiện của nỗi nhớ, là trạng thái ấy luôn thường trực, luôn ám gọi, luôn ứ đọng tồn tại ở mọi thời khắc trong “em” nên bao giờ “em” cũng phải “nghĩ”. Dù là thiên hướng của “nghĩ” thuộc về phạm trù của trái tim nhưng nó không ly khai toàn bộ khỏi sự tỉnh táo nơi cửa ngõ lý tính. Bởi lẽ rằng trong dòng chảy “nghĩ” suy đó, “em” không chỉ dành nó cho riêng ai, hoặc anh, hoặc em và em dành nó cho cả đôi ta. Đối tượng mà suy “nghĩ” của “em” hướng đến là “anh, em”. Việc bố trí dấu phẩy ở giữa “anh” và “em” đã khiến cho cấu trúc dòng thơ bị gãy, nhịp thơ bị tách biệt giữa chừng, Nhưng bởi chủ ý của cách bố trí như thế mà việc “nghĩ” ngợi, suy tư có sự can dự tỉnh táo của lý tính. Ở chỗ, “em” đã dành thì giờ để hồi tưởng.

Dòng thơ cuối của khổ trên đã thiết lập nên một đà thơ đóng vai trò gầy dựng hướng phát triển cho nội hàm khổ thơ tiếp đến:

“Sóng bắt đầu từ gió.
Gió bắt đầu từ đâu
Em cũng không biết nữa
Khi nào ta yêu nhau”

Cả khổ thơ nhìn chung nằm trong khát vọng tổng thể là khát vọng truy nguyên cho sự khởi đầu của hai thứ. Một mặt, ấy là niềm trần trở của người thi nhân đối với ý niệm tìm tòi nguồn gốc phát nguyên nên “sóng”. Thế là “Sóng” đã được định vị đúng với nguồn gốc của nó, nó được khởi đầu từ những dòng lưu chuyển của “gió” nên hiển nhiên nó “bắt đầu từ gió”. Nhưng ấy lại chưa phải là điểm khởi nguyên tường tận, vì vậy, dòng nghĩ vẫn lại được tiếp nối về nguồn cội của “Gió”. Điệp ngữ “bắt đầu từ” được ướm đặt vào hai dòng thơ đầu tiên dường như đã biểu thị thứ khát vọng chân thật của lý tính con người. Đó là thứ khát vọng về sự nghi vấn đối với mọi hiện tượng diễn ra trong đời sống xung quanh. Điều này vốn dĩ là một chủ đề thuộc vào phạm trù triết học, bởi lẽ vai trò của triết học là truy vấn mọi dạng thức tồn tại và biểu hiện của cuộc sống xung quanh nhằm để trả lời câu hỏi về nguồn gốc phát sinh của mọi dạng thức hiện hữu. Ý hướng triết học xuất hiện trong thơ ca vốn dĩ không phải là một điều quá mới mẻ. Người ta đã thấy trong thơ của Dante nét hình đượm đặc của triết học kinh viện thời Trung Cổ, diện kiến trong thơ của Puskin dáng vấp của triết thuyết thời kỳ Chủ nghĩa lãng mạn lên ngôi. Nhưng trong thơ của Xuân Quỳnh, ý hướng triết học không được xác lập một cách quá đỗi rõ ràng, nó giống một hương vị hơn là một món ăn bổ béo bày sẵn, nó giống một thoáng gọn luyến lưu hơn là một cuồng nhiệt bão tố. Ước vọng truy nguyên về nguồn gốc của các hiện tượng vật lý như “sóng” và “gió” chỉ là một bộ phận cơ bản cho phép toán chủ yếu được đặt ra trong khổ thơ, đó là phép toán truy nguyên về nguồn cội của tình yêu. Nỗ lực đã được nhà thơ gắng cố tìm tòi, liên kết đến cả những hiện tượng tự nhiên nuôi giữ ước mong rằng sẽ có thể biết được đâu là khởi phát cho những cảm xúc, băng khuâng, nhớ mong khắc khoải, chờ đợi, hy vọng, v.v thường thấy khi người ta yêu. Nhưng tự thân tác giả đã hồi đáp cho khát vọng đó bằng lời thừa nhận thẳng thắn:

“Em cũng không biết nữa”

Một dòng thơ nhưng nó được gắn vào đó cả hai tình thái từ ở giữa và cuối (“cũng”, “nữa”) đã khiến cho âm hưởng xui theo hơi thở nhẹ nhàng của sự bất Lực. Bởi lẽ tình yêu là phạm trù được tạo. dựng từ bên trong hành trình tương tác giữa người với người, điểm khởi đầu của nó là ở một sự bất định nào đó, một sự hiện hữu mờ nhạt nào đó, một cái gọi nhớ nào đó, một cái đắm

say thoảng chợt nảo đó - nó là một phức hợp tổng hòa những cái không chắc chắn gây ra trong tâm thức của con người và làm sao người ta có thể tìm tòi ra được nguồn cội rõ ràng của tình yêu nếu mỗi thời khắc trôi qua, người ta luôn cảm nhận được vô vàn những biến động chập chờn trong suy nghĩ nội tại và ngoại cảnh bên ngoài. Tình yêu không được hiện hữu để người ta truy nguyên, bởi vì nó không có một ý nghĩa nhất định tại điểm xuất phát của nó, dẫu là “một buổi chiều”, dưới “nắng nhạt” hay trong cơn “gió hiu hiu”:

“Làm sao cắt nghĩa được tình yêu
Có nghĩa gì đâu một buổi chiều
Nó chiếm hồn ta bằng nắng nhạt
Bằng mây nhè nhẹ gió hiu hiu”

Xuân Diệu đã từng ý thức rõ ràng điều đó và đã tuyên ngôn nên một lời khẳng định cho sự bất khả diện kiến nguồn cội của tình yêu. Và rồi Xuân Quỳnh cũng đã tìm đến, giữa nơi giao thoa miền trời, miền biển, miền hồn để thốt nên một lời thừa nhận giàu mỹ cảm và nữ tính: “Em cũng không biết nữa”, tiếp nối đó là một câu hỏi đỉnh kết tại cuối dòng thơ khép lại dòng chảy thi vị của tổng thể toàn khổ:

“Khi nào ta yêu nhau”

Lạ lùng thay, khi trong thơ ca, sự tồn tại của trật tự ngôn ngữ cũng như cấu trúc ngữ pháp được quy định sẵn đều trở nên bị hạn định, cô nén lại thành những hạt cát phân tán giữa không gian mênh mông. Quy luật của ngôn ngữ chỉ là một biểu hiện mờ nhạt trong thi ca khi nó đóng góp vai trò định hướng khả năng hiểu biết chứ không trực tiếp dự phần vào cách thức thấu cảm những ý nghĩa do nhà thơ biểu đạt. Trong dòng thơ này, Xuân Quỳnh sử dụng từ để hỏi rất rõ ràng (“Khi nào”) nhưng lại không lấp đặt dấu chấm hỏi (“?”) - vốn dĩ là một bộ phận quan trọng trong câu nghi vấn - ở cuối dòng thơ. Phải hay chăng, lời nghi vấn này không phải được dùng để hỏi, để truy vấn hay để kiểm tìm hồi đáp rõ ràng. Mà hơn hết, dòng thơ này được thiết tạo với giá trị quan trọng hơn cả là để tái khẳng định sự bất lực của mình đối với nguồn cội nguồn của dòng chảy tình yêu. Nó không có dấu chấm hỏi cuối dòng là để thổ lộ cho cảm niệm mà nhà thơ tự dứt kết sau những nghĩ suy, dao động tự bên trong. Cảm niệm ấy là thứ cảm niệm sâu sắc, rằng đừng gắng cố đến độ hư mòn để tìm kiếm nơi tình yêu bắt đầu. Tình yêu có thể không có điểm bắt đầu nhưng nó rõ ràng có được điểm kết thúc (hoặc chia ly hoặc chung thủy mặn nồng), và trong tâm thức của những con người dành niềm tin bất tuyệt cho tình yêu và phụng thờ thần tình ái, có lẽ sẽ ý nghĩa hơn nhiều, giá trị hơn nhiều khi người ta dành thì giờ và xúc cảm để đầu tư cho chặng đường mình đương đi qua, để kiến lập nên đích đến chắc chắn hơn của tình yêu mà ở đó, ta có quyền hy vọng một hạnh phúc, một toại nguyện, một lòng tin, một khoan thai.

Những nỗ lực kiểm tìm nguồn cội tình yêu đã tiếp nối dài hơn quãng ngân của niềm nhung nhớ và rồi nỗi nhớ ấy dâng tràn ra khỏi vòng cương tỏa của hạn định về thời-không và tác động lên cả cấu trúc của tứ thơ:

“Con sóng dưới lòng sâu
Con sóng trên mặt nước
Ôi con sóng nhớ bờ
Ngày đêm không ngủ được
Lòng em nhớ đến anh
Cả trong mơ còn thức”

Tổng thể mạch thi hứng của cả bài thơ “Sóng” là thể vận động tương phùng của hai chủ thể “sóng” và “em”. Lắm khi, chúng biệt tách nhau ra để soi rọi và thấu cảm lẫn nhau, lần tìm những sự chung nhất trong cách “sóng” vỗ bờ và cách “em” nhớ “anh”. Đôi khi, hai chủ thể ấy là thực hiện thứ cơ chế hỗ trợ nhau, rồi đến xích lại gần nhau và rồi nhất quán lẫn nhau tạo dựng thành giác độ đồng quy trong tư cách, từ biệt lập đến độ hòa quyện vào nhau. Hai dòng thơ đầu tiên của khổ thơ trên đã thể hiện rõ ràng thứ cơ chế đó, ở chỗ, nó vừa tái hiện sự chuyên lưu của “Con sóng” ở hai vị trí cơ bản là “lòng sâu” và “mặt nước”. Cách diễn tả này nằm ở bề mặt của

tứ thơ, là phần diễn tả những chuyển động và hải phận của “sóng” giữa điệp trùng biển khơi. Và rồi từ chính những thi ngữ sẵn có đó, hiệu năng ngôn ngữ đã kiến tạo nên một chiều kích nữa của phương hướng thấu đạt nội hàm ý thơ. Hiển nhiên ta thấy rõ và ta biết chắc rằng trạng thái thường trực của “sóng” là sự chuyển động không dừng, liên hồi, không đứt quãng, không ngoi nghỉ ở cả trên bề “mặt” hay ở độ “sâu” bên dưới. Chính cách thức chuyển động liên tục, vận hành hay di dịch đổi thay đó kết hợp cùng với những danh từ đa nghĩa như “mặt” và “lòng” đã làm xuất hiện nên một chủ thể nữa nằm ở bề sâu, bề sau, bề xa của ngữ từ mà đòi buộc phải lắng đọng, soi nhìn và mở toang ra những ý hướng khả dĩ để đón nhận lấy. Phải hay chăng, chính những “Con sóng” liên hồi lăn tăn trên “mặt” biển cũng giống như những đổi thay buồn, vui, giận, yêu, ghen, nhớ, v.v của chính gương “mặt” nơi “em” khi đem lòng yêu “anh”? Và phải hay chăng những “con sóng” chuyển lưu ào ạt bên dưới “lòng” biển khơi cũng tự nó kết nối với những biến thiên trong tâm “lòng” của em: hôm nay thương nhớ, một mai đổi hơn, đôi ngày ghen ghét, rồi lại thuận tụy về lại với niềm thương “anh”, yêu “anh”. Cách “con sóng” tập nập vỗ bờ, ào ạt xô vào miền cát trắng đã khiến một cách phù hợp với nghĩ suy và cảm xúc thực tế trong phương diện tình yêu.

Ở địa hạt tình yêu, dưới cảm niệm của Xuân Quỳnh, sự kết nối diễn ra giữa hai đối tượng là bình đẳng, vì yêu là đặc tính của con người, là quyền hạn bất khả phân ly của nhân quyền, thuộc về sự biểu hiện cơ bản của nhân tính nên chị đã đặt bước chân của mình trên đại lộ thế kỷ mới để khẳng định về cách thức tồn tại của tình yêu nơi người con gái cũng có đủ đầy quyền hạn để tuyên ngôn một chân lý tâm hồn: “Lòng em nhớ đến anh”. Nỗi nhớ ấy không những tác động đến bố cục ngữ pháp tổng quan của toàn khổ thơ, mà nó còn làm đảo lộn cả chiều kích diễn biến của quy luật thời-không, nó chuyển dịch nỗi niềm và sự khát vọng đến mức độ xâm nhập cả vào tiềm thức:

“Cả trong mơ còn thức”

Văn chương không tuân theo lề luật cục bộ như những hình thái ý thức khác. Sự tồn tại của văn chương là tập hợp tự do của những biến tố cảm xúc nội sinh trong cảm tưởng và suy nghiệm đặc thù của tác giả. Vì lẽ đó, Xuân Quỳnh đã không dùng đến hệ thống các tính từ đặc tả cường độ của động từ “nhớ”. Thay vào ấy, chị sử dụng dòng thơ trên để gọi tả nỗi “nhớ” tiềm tàng nhưng đầy ám gợi. Sự ám gợi lẩn lút diễn biến của thực tế và rồi đeo bám vào trong cả cõi giới của giấc “mơ” - biên thù cùng cực nơi tiềm thức vẫn gọi và khơi mở những tri năng đặc biệt mà người ta chưa bao giờ hình dung đến. Nơi đó, nó không tồn tại những sinh thể hữu cơ để ta chạm, ghi, siết. Nơi đó, nó không kết nối với ta bằng phương diện vật chất thuần túy như lệ thường đời sống, nó thừa nhận những cái phi lý nhưng lại là chân lý (“mơ còn thức”). Mà ở đó, nó là nơi dung chứa những ý niệm về xúc cảm, vùng đất tập hợp các biến thể thuộc về nghĩ suy và trần trở mà chỉ khi nào nồng độ và cường độ xúc cảm phát triển đến độ mãnh liệt thì cánh công xâm nhập vào cõi giới này mới mở bật ra. Trong tiềm thức Xuân Quỳnh, trạng thái thao thức thường trực cứ thâm thì theo đó ám gợi và khơi vỹ chính là trạng thái của nỗi “nhớ”. Nỗi “nhớ” đã kết nhập hai tọa độ độc lập của thực tại và tiềm thức lại, nó khiến cho trái tim và lý trí của Xuân Quỳnh được phủ trùm lớp vải Acacia đan dệt từ những rung động chân thực hơn bao giờ hết. Yêu là vậy, lời nói có thể khiến tình yêu trở nên hoa mỹ bằng những ý vị thanh nhã mỹ miều, hành động có thể đốc thúc tình trường trở nên nồng hậu và phấn khởi nhưng có lẽ, chỉ bằng những thổ bày bộc bạch tâm tư, thốt nên từ miền hồn của tâm thức với những thảng thốt, ân cần, xao nhãng và hoài cảm, phi lý và nhiệt thành, chân ái và đầy xót xa thị câu chuyện tình yêu mới được lấp kín bởi sự thủy chung, mới đủ sức minh chứng cho long chân thành. Đặt trạng thái xúc cảm đó của Xuân Quỳnh dưới góc độ phân tâm học phát triển bởi nhà tâm lý học Sigmund Freud thì có lẽ, thứ trạng thái “nhớ” nhưng ấy là minh chứng giàu sức thuyết phục cho quan điểm “Chỉ trong giấc mơ, người ta mới diện kiến được những gì chân thực nhất”. Và bằng cách đó, Xuân Quỳnh cứ giăng mảnh ý niệm về tình cuộc của mình bằng tất thảy những gì biến động và đảo chiều, dường như chị đã vẽ tình yêu bằng. bóng đêm, họa tâm tình bằng nỗi nhớ, khắc suy tư

bằng nỗi niềm nên mỗi tiếng yêu là một lời thổn thức, phản hồi chân thật bằng những tỏ bày ý vị, xuyên sao, ...

Nếu ví cấu trúc nghệ thuật của tổng thể các khổ thơ trên là một vùng biển khơi mênh mông thì thể thơ năm chữ với tiết điệu đặc thù vang vọng ra từ đó đóng vai trò như tạo lập nên âm điệu của những con sóng vỗ xô liên tục không dứt vào bờ bãi. Trên khơi trường nghệ thuật ấy, những ngôn từ giản dị nhưng giàu sức khơi vẫy và đan gài hệ thống hình ảnh ẩn dụ ở nhiều tầng vỉa đã khiến cho chủ lưu tình cảm xuyên suốt thi phẩm trôi chảy dào dạt không dứt quãng. Giữa vùng biển mênh mang đến thế, độc giả đã không bị cuốn lạc vào vùng tịch địa âm u của những ám ảnh, ảo mộng hư vô, mà thay vào đó, sự vận động luân lưu từ tách rời đến bầu quyện vào nhau giữa hai chủ thể “sóng” và “em” đã đóng vai trò như ngọn hải đăng rọi soi hướng phát triển nghệ thuật trở nên logic, hài hòa với ý hướng diễn đạt về tư tưởng chủ đạo của tác giả cảm trịch nhất quán từ đầu đến khi khép lại.

“Sóng” là thi phẩm tiêu biểu nhất của đời thơ Xuân Quỳnh, vì vậy, không phải vô căn cứ khi xác định rằng “vẻ đẹp nữ tính” trong “Sóng” đã dự phần, đáng kể vào quá trình thiết tạo nên nét đẹp ấy trong toàn thể không gian thơ do Xuân Quỳnh sáng tác. Vẻ đẹp nữ tính ấy vừa mang tính truyền thống, vừa mang nét hiện đại. Truyền thống ở chỗ, vẻ đẹp ấy luôn toát ra từ chính nhân phẩm cao đẹp, bằng sự nhẹ nhàng, thanh nhã, thiết tha chứ không cuồng nhiệt táo bạo; vẻ đẹp ấy được tô vẽ bởi sự son sắt thủy chung, niềm tin và khát vọng đến những điều tốt đẹp cho người thương, mái ấm và những phận kiếp cô liêu, nó được đắp xây bởi ý nguyện tích cực lẫn trạng thái âu lo thường trực cho những biên cố mảy may xây đến bao giờ chẳng hay. Mặt khác, vẻ đẹp nữ tính trong đời thơ Xuân Quỳnh cũng thể hiện một ý niệm hiện đại về vai trò chủ động của nữ đối với tình yêu, rằng chị bày tỏ sự rung cảm của trái tim, nỗi nhớ và lời yêu đối với người mình yêu bằng tất thảy những lời lẽ chân thành, thẳng thắn nhưng vẫn tinh tế, đằm thắm trong nét đẹp dịu dàng nồng hậu của người phụ nữ Việt Nam.

Những đoạn thơ trên và vẻ đẹp nữ tính trong thơ Xuân Quỳnh đã đem lại cho bối cảnh thời đại hiện nay chiều sâu tâm lý và khơi vẫy mỗi cá nhân hướng về trái tim của mình – nơi phát sinh, cội nguồn, căn rễ của những điều chân thật và mới mẻ luôn đợi chờ ta khám phá. Lắm người bảo rằng, sự thai nghén và ra đời của “Sóng” dường như đã đi ngược lại với chủ lưu văn học lúc bấy giờ, khi cả nước tiếp nhịp vào trong bản hùng ca dân tộc kháng chiến cứu quốc.

Nhưng nào có đâu, nào phải đâu, nào thật đâu..., bởi lẽ giữa những hồi bom đạn thả dài trên những miền đất rạn ngời của non sông, giữa dòng chảy ào ạt dồn dập của văn chương cách mạng, giản đơn rằng, “Sóng” cùng vẻ đẹp nữ tính mà Xuân Quỳnh trao gửi chỉ thuần túy như một đóa “Hoa dọc chiến hào” để mỗi cá nhân có cơ hội bày tỏ dòng tâm sự và cảm nhận lặng lẽ những điều tâm hồn bên trong đang thổn thức. Chính cách mà “Sóng” nở rộ mang theo mùi hương tao nhã, êm đềm của nó đã khiến cho mỗi người được sống dậy những gì chân thật nhất và giữ niềm tin mãnh liệt hơn về một đời sống đáng mơ ước. Bối cảnh khi dịch Covid đã lần lượt xém cửa, làng mạc, khi bè lũ “quân thù” kinh hãi ấy đang đe dọa xã hội ta bằng cơn ác mộng về cái chết và sự chia lìa, đọc “Sóng” và thấu cảm đủ đầy nét đẹp nữ tính cùng những giá trị thuần hậu mà bài thơ đem lại, mỗi cá nhân chúng ta lại có cơ hội ấp ủ những ý niệm cao đẹp, khơi sâu tầng vỉa nghĩ suy nội tại để kiếm tìm động lực cho trái tim, cho lý trí và cho cả sự gắn kết giữa người với người cùng nỗ lực vì một xã hội ngày một cường thịnh.